ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD
Số: 407/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 08/01/2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 17/4/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Quản trị Marketing thuộc ngành Marketing (mã số 7340115).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 (Khóa 21) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để th);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

PGS.TS. Đinh Hồng Linh

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 407/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	QUẢN TRỊ MARKETING
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	Marketing Management
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Ngành đào tạo	Marketing
5	Mã ngành	7340115
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7	Thời gian đào tạo chuẩn	04 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	127
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Khoa Marketing, Thương mại và Du lịch
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
11	Website	mkt.tueba.edu.vn
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng việt: Cử nhân Marketing Tiếng Anh: BACHELOR OF MARKETING
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học có thể làm việc tại các tổ chức với vị trí công việc sau: Nhóm 1. Các vị trí việc làm trong Doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh Chuyên viên nghiên cứu thị trường, chuyên viên quản trị thông tin marketing, chuyên viên marketing, chuyên viên truyền thông marketing, chuyên viên quan hệ công chúng, chuyên viên quản trị thương hiệu, giám sát bán hàng; chuyên

TT	Tiêu đề	Nội dung
		viên Trade Marketing, Even Marketing, Content Marketing trưởng/phó các bộ phận chức năng marketing … trong các loại hình doanh nghiệp. Tự bản thân thực hiện các công việc sáng tạo hoặc trở thành Freelancer của Agency Marketing, bao gồm: Sáng tạo nội dung (Copywriter); Viết kịch bản và biên tập nội dung (Designer), Tiktoker; Youtuber,… Nhóm 2: Vị trí việc làm tại các Sở, ban, ngành, cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp Chuyên viên hoạch định chính sách marketing trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội.
16	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	Chương trình Đào tạo cử nhân Marketing của Đại học Kinh tế quốc dân
18	Thông tin kiểm định chương trình đào tạo	Đánh giá AUN-QA, tháng 1 năm 2023
19	Thời điểm cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tháng 03/2024

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Marketing có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh; có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về marketing. Có khả năng hoạch định chiến lược, kế hoạch và tổ chức các hoạt động marketing; chịu được áp lực trong công việc; có năng lực tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ và khởi nghiệp.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

PO1. (Kiến thức): Người học có các kiến thức cơ bản về kinh tế và các quy luật kinh tế - xã hội; Có kiến thức để phân tích và dự báo, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động marketing trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0.

PO2. (Kỹ năng): Người học có các kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm khác phục vụ và đáp ứng yêu cầu công việc trong lĩnh vực quản trị marketing, có ý tưởng khởi nghiệp cho bản thân.

PO3. (Năng lực tự chủ và trách nhiệm): Người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với công việc được giao; có tinh thần làm việc chuyên nghiệp, tự tin, chịu được áp lực công việc, đáp ứng yêu các cầu trong công việc thuộc lĩnh vực quản trị marketing, có tư duy sáng tạo.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
I	**Chuẩn đầu ra về kiến thức**	
PLO1	**Giải thích được các nội dung cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên - xã hội cho công việc chuyên môn**	**2**
PI1.1	Giải thích được các quy luật, bản chất của lĩnh vực chính trị - xã hội, nhà nước và pháp luật hướng vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn.	2
PI1.2	Giải thích được những vấn đề cơ bản về khoa học tự nhiên – xã hội trong khi thực hiện công việc	2
PLO2	**Vận dụng được các kiến thức và nguyên lý nền tảng của kinh tế, quản trị, quản lý một cách linh hoạt vào giải quyết các vấn đề của ngành Marketing**	**3**
PI2.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng của lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý vào giải thích, xử lý các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực marketing.	3
PI2.2	Thực hiện được nghiệp vụ cơ bản về thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu trong thực hiện công việc	3
PI2.3	Vận dụng được các kiến thức kinh doanh và pháp luật vào quá trình quản trị marketing.	3
PLO3	**Sử dụng thành thao công nghệ thông tin vào giải quyết các công việc trong quá trình quản trị marekting**	**3**
PI3.1	Sử dụng thành thạo tin học văn phòng (word, excel, powerpoint) vào xử lý công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh. Đạt chuẩn tin học theo quy định của Nhà trường	3
PI3.2	Sử dụng được một số phần mềm chuyên môn vào xử lý công việc thuộc lĩnh vực marketing.	3
PLO4	**Phát hiện các vấn đề thuộc về môi trường kinh doanh, môi trường marketing và thị trường.**	**3**

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI4.1	Dự đoán được các yếu tố từ môi trường ảnh hưởng tới hoạt động marketing	3
PI4.2	Phát hiện được các vấn đề về thị trường và khách hàng	3
PI4.3	Thực hiện hoạt động nghiên cứu Marketing	3
PLO5	**Xây dựng chiến lược, kế hoạch marketing trong các cơ sở kinh doanh.**	**3**
PI5.1	Trình bày các mục tiêu marketing	3
PI5.2	Trình bày chiến lược Marketing cho doanh nghiệp/tổ chức	3
PI5.3	Thực hiện việc lập kế hoạch Marketing cho doanh nghiệp/tổ chức	3
PLO6	**Thực hiện các hoạt động Marketing chủ yếu của doanh nghiệp/tổ chức**	**3**
PI6.1	Thực hiện các chính sách marketing hỗn hợp	3
PI6.2	Thực hiện các chính sách khác đối với marketing dịch vụ	3
PI6.3	Thực hiện các hoạt động nhằm duy trì và dành lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.	3
II	**Chuẩn đầu ra về kỹ năng**	
PLO7	**Sử dụng các kỹ năng cơ bản phục vụ công việc**	3
PI7.1	Sử dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và thuyết phục tốt	3
PI7.2	Kiểm soát thời gian của cá nhân, của nhóm và quá trình làm việc nhóm	3
PI7.3	Sử dụng ngoại ngữ để thể hiện quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn về marketing	3
PLO8	**Sử dụng các kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc về marketing**	**3**
PI8.1	Sử dụng các kỹ năng thu thập, quản lý thông tin về marketing để giải quyết các vấn đề trong quá trình quản trị marketing.	3
PI8.2	Sử dụng các kỹ năng quản trị marketing: phân tích, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động marketing.	3
PI8.3	Sử dụng các phần mềm cơ bản được ứng dụng trong lĩnh vực marketing.	3
PLO9	**Sử dụng các kỹ năng làm việc với khách hàng**	**3**
PI9.1	Sử dụng kỹ năng xây dựng kế hoạch, quản lý thời gian để hoàn thành tốt công việc	3
PI9.2	Sử dụng kỹ năng tiếp cận, truyền đạt thông tin và thuyết phục khách hàng	3
PI9.3	Sử dụng kỹ năng giải quyết các tình huống phát sinh khi làm việc với khách hàng	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PLO10	**Trình bày ý tưởng khởi nghiệp cho bản thân.**	**3**
PI10.1	Trình bày được ý tưởng khởi nghiệp có tính khả thi	3
PI10.2	Trình bày được các nội dung chính để thực hiện ý tưởng khởi nghiệp	3
PI10.3	Trình bày được các ý tưởng để huy động được các nguồn lực cơ bản cho dự án khởi nghiệp	3
III	**Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm**	
PLO11	**Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, quy định của cơ quan đơn vị; sẵn sàng tham gia học tập suốt đời**	**3**
PI11.1	Tuân thủ pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực Marketing, các quy định tại đơn vị công tác.	3
PI11.2	Có ý thức tự giác học tập, nghiên cứu và rèn luyện sức khoẻ	3
PI11.3	Có ý thức tự học tập để nâng cao năng lực của bản thân, thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc.	3
PLO12	**Tự tin, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm và tác phong làm việc chuyên nghiệp, sẵn sàng phục vụ khách hàng.**	**3**
PI12.1	Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, tác phong làm việc chuyên nghiệp	3
PI12.2	Tự tin, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	3
PI12.3	Có tinh thần làm việc sẵn sàng phục vụ khách hàng, chịu được áp lực trong công việc	3

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
1	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**		**34**		
1	Triết học Mác - Lênin	MLP131	3	PLO1(PI1.1); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.1)	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	2	PLO1(PI1.1); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.1)	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	2	PLO1(PI1.1); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.1)	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	2	PLO1(PI1.1); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.1)	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	VCP121	2	PLO1(PI1.1); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.1)	
6	Pháp luật đại cương	LAW121	2	PLO1(PI1.1); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.1)	
7	Tin học ứng dụng	AIN131	3	PLO1(PI1.1); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.2); PLO12(PI12.3)	
8	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	3	PLO1(PI1.1); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.2); PLO12(PI12.3)	
9	Toán kinh tế	MAE131	3	PLO1(PI1.1); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.2); PLO12(PI12.3)	
10	Tiếng Anh 1	ENG121	2	PLO7(PI7.3); PLO9(PI9.2) PLO11(PI11.2)	
11	Tiếng Anh 2	ENG122	2	PLO7(PI7.3); PLO9(PI9.2) PLO11(PI11.2)	
12	Tiếng Anh 3	ENG133	3	PLO7(PI7.3); PLO9(PI9.2) PLO11(PI11.2)	
13	Tiếng Anh 4	ENG134	3	PLO7(PI7.3); PLO9(PI9.2) PLO11(PI11.2)	
14	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PEI121	2	PLO2(PI2.1), PLO7(PI7.1); PLO10(PI10.1)	
15	Giáo dục thể chất 1	PHE011	30 tiết	PLO11(PI11.2); PLO12(PI12.1)	
16	Giáo dục thể chất 2	PHE012	30 tiết	PLO11(PI11.2); PLO12(PI12.1)	
17	Giáo dục thể chất 3	PHE013	30 tiết	PLO11(PI11.2); PLO12(PI12.1)	
18	Giáo dục quốc phòng	PEI121	5 tuần	PLO1(PI1.1); PLO11(PI11.2); PLO12(PI12.1)	
2	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**		**93**		
2.1	***Kiến thức cơ sở ngành***		***30***		
	Bắt buộc		21		
19	Kinh tế học vi mô 1	MIE231	3	PLO2(PI2.1), PLO4(PI4.2); PLO9(PI9.3); PLO10(PI10.1)	
20	Quản trị học	MAN231	3	PLO2(PI2.3); PLO5(PI5.1); PLO9(PI9.1); PLO12(PI12.2)	
21	Kinh tế học vĩ mô 1	MAE231	3	PLO2(PI2.1), PLO4(PI4.2); PLO9(PI9.3); PLO10(PI10.1)	
22	Marketing căn bản	PMA231	3	PLO5(PI5.3), PLO6(PI6.3); PLO7(PI7.1); PLO10(PI10.1)	
23	Tài chính tiền tệ	FAM231	3	PLO2(PI2.1); PLO9(PI9.3); PLO12(PI12.2)	
24	Nguyên lý thống kê	PSE231	3	PLO2(PI2.1); PLO9(PI9.3); PLO12(PI12.2)	
25	Nguyên lý kế toán	ACT231	3	PLO2(PI2.1); PLO9(PI9.3); PLO12(PI12.2)	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
	Tự chọn (Chọn 3 trong số 6 HP tự chọn)		*9*		
26	Kinh tế quốc tế	INE331	3	PLO2(PI2.1); PLO9(PI9.3); PLO12(PI12.2)	
27	Thương mại điện tử	ECM331	3	PLO2(PI2.1); PLO9(PI9.3); PLO11(PI11.1) PLO12(PI12.1)	
28	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME331	3	PLO2(PI2.3); PLO9(PI9.3); PLO11(PI11.1) PLO12(PI12.1)	
29	Luật kinh tế căn bản	ELA231	3	PLO2(PI2.3); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.1)	
30	Pháp luật thương mại hàng hoá và dịch vụ	LGS331	3	PLO2(PI2.3); PLO7(PI7.1); PLO11(PI11.1)	
31	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý	WBM231	3	PLO2(PI2.1); PLO7(PI7.1); PLO12(PI12.2)	
2.2	***Kiến thức ngành***		*27*		
	Bắt buộc		*15*		
32	Hành vi người tiêu dùng	CBE331	3	PLO4(PI4.3), PLO9(PI9.2), PLO12(PI12.3)	X
33	Marketing dịch vụ	SAM331	3	PLO6(PI6.2); PLO9(PI9.2); PLO12(PI12.3)	
34	Quản trị thương hiệu	BRM331	3	PLO6(PI6.3); PLO7(PI7.2); PLO10(PI10.1)	
35	Nghiên cứu Marketing	MAR331	3	PLO4(PI4.1); PLO8(PI8.1); PLO10(PI10.1)	
36	Quản trị Marketing	MAM331	3	PLO5(PI5.3), PLO7(PI7.2), PLO9(PI9.1), PLO10(PI10.2)	X
	Tự chọn (Chọn 4 trong số 8 học phần tự chọn)		*12*		
37	Marketing quốc tế	IMA331	3	PLO6(PI6.3); PLO7PI7.1); PLO12(PI12.2)	
38	Quản trị chiến lược	STM331	3	PLO5(PI5.1); PLO9(PI9.1); PLO10(PI10.1)	
39	Quản trị tài chính	FIM331	3	PLO2, PLO7, PLO12	
40	Quản trị nhân lực	HRM331	3	PLO2(PI2.3); PLO9(PI9.3); PLO12(PI12.3)	
41	Quản trị sự kiện	AEV231	3	PLO6(PI6.3); PLO7PI7.1); PLO12(PI12.2)	
42	Hội nhập kinh tế quốc tế	IEI331	3	PLO2; PLO4; PLO12	
43	Đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp	ORC331	3	PLO2(PI2.1); PLO9(PI9.3); PLO11(PI11.1) PLO12(PI12.1)	
44	Đàm phán trong kinh doanh	NEB331	3	PLO6(PI6.3); PLO9(PI9.2); PLO11(PI11.3)	
45	Tâm lý học quản trị kinh doanh	PBA231	3	PLO2; PLO4; PLO11	
2.3	***Kiến thức chuyên ngành***		*24*		
	Bắt buộc		*12*		
46	Quản trị sản phẩm	PRO331	3	PLO6(PI6.1); PLO7(PI7.2); PLO10(PI10.1)	
47	Quản trị giá	PRM331	3	PLO6(PI6.1); PLO9(PI9.3); PLO11(PI11.3)	X
48	Quản trị kênh phân phối	DCM331	3	PLO6(PI6.1); PLO9(PI9.3); PLO11(PI11.3)	X
49	Quản trị truyền thông Marketing	MCM331	3	PLO6(PI6.1); PLO9(PI9.3); PLO11(PI11.3)	X
	Tự chọn (Chọn 4 trong số 8 học phần tự chọn)		*12*		
50	Digital Marketing	DIM331	3	PLO5(PI5.2), PLO6(PI6.1), PLO8(PI8.2), PLO9(PI9.2), PLO12(PI12.3)	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
51	Quản trị bán hàng	SAM331	3	PLO5(PI5.3); PLO9(PI9.2); PLO11(PI11.3)	
52	Quản trị quan hệ khách hàng	CRM331	3	PLO5(PI5.1),PLO6(PI6.3); PLO7(PI7.1); PLO9(PI9.2); PLO11(PI11.3)	
53	Marketing khách hàng tổ chức	MIC331	3	PLO6(PI6.3); PLO7PI7.1); PLO12(PI12.2)	
54	Phân tích hoạt động kinh doanh	BAN331	3	PLO4(PI4.2); PLO9(PI9.3); PLO11(PI11.2)	
55	Marketing thương mại	COM331	3	PLO4; PLO9; PLO11	
56	Phát triển sản phẩm mới	DEP331	3	PLO6(PI6.1); PLO7(PI7.2); PLO10(PI10.2)	
57	Content Marketing	CMA331	3	PLO5(PI5.3), PLO6(PI6.1), PLO8(PI8.2), PLO9(PI9.2), PLO12(PI12.3)	
58	Kinh doanh quốc tế	INB331	3	PLO2; PLO9; PLO10	
2.4	***Thực tập môn học CTĐT Quản trị marketing***	MAM421	2	PLO3(PI3.2); PLO4(PI4.1), PLO6(PI6.1); PLO7(PI7.1); PLO8(PI8.1), PLO10(PI10.1); PLO11(PI11.1)	
2.5	***Thực tập tốt nghiệp CTĐT Quản trị Marketing***	MAM441	4	PLO3(PI3.1); PLO4(PI4.2), PLO5(PI5.3); PLO6(PI6.1); PLO7(PI7.2); PLO8(PI8.1), PLO9(9.1); PLO10(PI10.2); PLO11(PI11.1); PLO12(PI12.1)	
2.6	***KLTN/Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Quản trị Marketing***	MAM904	6	PLO3(PI3.1); PLO4(PI4.3), PLO5(PI5.2); PLO6(PI6.3); PLO8(PI8.1), PLO9(9.1); PLO10(PI10.2); PLO11(PI11.1); PLO12(PI12.1)	
	Tự chọn thay thế khóa luận (chọn 2 trong 4 HP)				
59	Quản trị kinh doanh thương mại	CBM331	3	PLO2(PI2.3); PLO9(PI9.3); PLO12(PI12.3)	
60	Marketing xã hội	SOM231	3	PLO6(PI6.3); PLO7PI7.1); PLO12(PI12.2)	
61	Quan hệ công chúng	PRE231	3	PLO6(PI6.3); PLO7PI7.1); PLO12(PI12.2)	
62	Quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa	SME331	3	PLO5(PI5.1); PLO9(PI9.1); PLO10(PI10.1)	
	Tổng số tín chỉ		**127**		

V. Kế hoạch đào tạo

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
I	**Học kì I**			**15**			
1	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tin học ứng dụng	AIN131	Bắt buộc	3	36	18	
3	Tiếng Anh 1	ENG121	Bắt buộc	2	24	12	
4	Kinh tế học vi mô 1	MIE231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Pháp luật đại cương	LAW121	Bắt buộc	2	24	12	
6	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo		Bắt buộc	2	24	12	
7	Giáo dục thể chất I	PHE011	Bắt buộc	x			
II	**Học kì II**			**17**			
1	Triết học Mác - Lênin	MLP131	Bắt buộc	3	24	12	
2	Tiếng Anh 2	ENG122	Bắt buộc	2	24	12	
3	Toán Kinh tế	MAE131	Bắt buộc	3	36	18	
4	Quản trị học	MAN231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý kế toán	ACT231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Kinh tế học vĩ mô 1	MAE231	Bắt buộc	3	36	18	
7	Giáo dục thể chất II	PHE012	Bắt buộc	x			
III	**Học kì III**			**17**			
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh 3	ENG133	Bắt buộc	3	36	18	
3	Marketing căn bản	PMA231	Bắt buộc	3	36	18	
4	Tài chính tiền tệ	FAM231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý thống Kê	PSE231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Giáo dục thể chất III	PHE013	Bắt buộc	x			
7	Giáo dục quốc phòng		Bắt buộc	x			
8	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
IV	**Học kì IV**			**17**			
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	Bắt buộc	2	36	18	
2	Hành vi người tiêu dùng	CBE331	Bắt buộc	3	36	18	X
3	Marketing dịch vụ	SAM331	Bắt buộc	3	36	18	
4	Quản trị thương hiệu	BRM331	Bắt buộc	3	36	18	
5	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
V	**Học kì V**			**17**			
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Quản trị sản phẩm	PRO331	Bắt buộc	3	36	18	
3	Quản trị giá	PRM331	Bắt buộc	3	36	18	X
4	Quản trị kênh phân phối	DCM331	Bắt buộc	3	36	18	X

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
5	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
VI	**Học kì VI**			**16**			
1	Tiếng Anh 4	ENG134	Bắt buộc	3	36	18	
2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	VCP121	Bắt buộc	2	24	12	
3	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
4	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	Thực tập môn học CTĐT Quản trị Marketing		Bắt buộc	2			
VII	**Học kì VII**			**18**			
1	Nghiên cứu Marketing	MAR331	Bắt buộc	3	36	18	
2	Quản trị Marketing	MAM331	Bắt buộc	3	36	18	X
3	Quản trị truyền thông marketing	MCM331	Tự chọn	3	36	18	X
4	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
VIII	**Học kì VIII**			**10**			
1	Thực tập tốt nghiệp CTĐT Quản trị marketing	MAM441		4			
2	KLTN/Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Quản trị Marketing	MAM904		6			
	HP thay thế khóa luận		Tự chọn	3	36	18	
	HP thay thế khóa luận		Tự chọn	3	36	18	
	Tổng số tín chỉ			**127**			